

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HS-ST
Ngày 26/9/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Liễu Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đình Tuyên;

Bà Nguyễn Thị Hợp.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Hồng Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Lộc Nam Duy- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Triệu Văn T, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 21 tháng 8 năm 1995 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn P sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị L sinh năm 1967; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/3/2011, bị Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với hình thức cảnh cáo; bị cáo bị bắt ngày 18/6/2018, tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 19/6/2018 đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn T: Bà Lương Thị Hương L – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khu 2, đường N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người chứng kiến: Anh Dương Công L - Sinh năm 1990; địa chỉ: Khu 2, đường N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Triệu Văn T sinh ngày 21/8/1995; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghiện ma túy từ năm 2010; năm 2011 bị Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Năm 2017, Triệu Văn T tham gia điều trị ma túy bằng phương pháp uống thuốc methadone nhưng sau đó bỏ uống thuốc và tiếp tục sử dụng ma túy dạng đá (methamphetamine). Trong thời gian này, Triệu Văn T đã hai lần mua ma túy với V khoảng 18, 19 tuổi, quê ở xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (Triệu Văn T không biết họ tên, địa chỉ thật của V). Ngày 18/6/2018, Triệu Văn T dùng điện thoại liên lạc với V để mua ma túy về sử dụng. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 18/6/2018, Triệu Văn T mượn xe mô tô biển kiểm soát 89F1-36609 của chị Trịnh Thị N (trú tại khu 2, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) đi từ phòng trọ tại bãi mận thuộc khu 1, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn sang bãi kiểm hóa thuộc khu 2, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn với mục đích mua ma túy về sử dụng; đến nơi Triệu Văn T gặp và bảo V bán cho Triệu Văn T 300.000 đồng tiền ma túy, V đồng ý, Triệu Văn T đưa tiền, V nhận tiền và đưa lại cho Triệu Văn T 01 (một) túi nilon màu trắng bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng là ma túy đá và tinh thể màu hồng là ma túy tổng hợp và 01 (một) gói nilon màu xanh chứa các hạt tinh thể màu trắng là ma túy đá. Triệu Văn T nhận lấy số ma túy cất giấu vào trong túi quần đằng trước bên phải đang mặc và đi về thì bị Tổ công tác Công an huyện V kiểm tra, phát hiện bắt quả tang Triệu Văn T đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác đã đưa Triệu Văn T cùng tang vật về trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ của Triệu Văn T gồm: 01(một) túi ni lon màu trắng chứa các hạt tinh thể màu trắng và màu hồng nghi là chất ma túy và 01 gói nilon màu xanh chứa các hạt tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy được niêm phong trong một phong bì thư ký hiệu bằng chữ viết tay “QT Triệu Văn T” và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu trắng đã qua sử dụng, màn hình bị vỡ, số IMEI 351810081511583/08 bên trong lắp 01 (một) sim VINAPHONE; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 082248xxx mang tên Triệu Văn T; 01 xe mô tô biển kiểm soát 89F1-36609; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 89F1-36609.

Tại bản Kết luận giám định số 239/KL-PC54 ngày 21/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận:

- Chất tinh thể màu trắng và màu hồng đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng gửi giám định là chất ma túy methamphetamine có khối lượng 0,215 gam (đã trừ bì)”.

- Chất tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) gói nilon màu xanh gửi giám định là chất ma túy methamphetamine có khối lượng 0,115 gam (đã trừ bì)”.

Tại bản Cáo trạng số 59/CT-VKS ngày 24/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Triệu Văn T về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Triệu Văn T phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Triệu Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù giam. Bị cáo là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không sở hữu tài sản có giá trị nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được để trong một phong bì thư niêm phong và toàn bộ vỏ bao gói; tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu trắng đã qua sử dụng, màn hình bị vỡ, bên trong lắp 01 (một) sim VINAPHONE; trả lại cho bị cáo Triệu Văn T 01 (một) chứng minh nhân dân số 082248911 mang tên Triệu Văn T; trả lại cho chị Trịnh Thị N 01 xe mô tô biển kiểm soát 89F1-36609 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 89F1-36609.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, còn trẻ, nhận thức chưa đầy đủ, mục đích tàng trữ ma túy chỉ để sử dụng cho bản thân; bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo mức án từ 12 đến 18 tháng tù; trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân; về vật chứng đề nghị xử lý theo quy định.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Triệu Văn T đều khai nhận hành vi phạm tội, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng và cải tạo thành công dân tốt.

Chị Trịnh Thị N trình bày là chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89F1-36609, khi mượn xe Triệu Văn T nói là mượn đi chơi, chị không biết việc Triệu Văn T sử dụng xe mô tô của chị đi mua ma túy. Chị đề nghị trả lại cho chị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89F1-36609 và giấy đăng ký xe mô tô.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 18/6/2018, tại khu 2 xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, Tổ công tác của Công an huyện V, tỉnh Lạng Sơn trong khi thực hiện nhiệm vụ, kiểm tra, bắt quả tang Triệu Văn T sinh ngày 21/8/1995, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy methamphetamine có tổng khối lượng là 0,33 gam (đã trừ bì), với mục đích để sử dụng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến, phù hợp với vật chứng đã thu giữ được; phù hợp với Kết luận giám định số 239/KL-PC54 ngày 21/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức được hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Triệu Văn T phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy rằng: Hành vi mà bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội, là nguyên nhân gián tiếp gây ra tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Bị cáo nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì để phục vụ cho việc sử dụng ma túy của bản thân, bị cáo đã bất chấp pháp luật và dư luận xã hội, để thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Triệu Văn T chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo nghiện ma túy từ năm 2010 và năm 2011 bị Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo đã tham gia điều trị cai nghiện nhưng vẫn tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy, điều này thể hiện bị cáo thiếu tu dưỡng, rèn luyện bản thân.

[7] Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết xử phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo Biên bản xác minh ngày 05/7/2018 của Cơ quan điều tra và qua xét hỏi công khai bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm thấy rằng: Bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, bản thân nghiện ma túy, không sở hữu tài sản có giá trị; vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định (0,271 gam methamphetamine) được để trong 01 (một) phong bì thư niêm phong ký hiệu “QT Triệu Văn T” có chữ ký và dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ các vỏ bao gói, là vật Nhà nước cấm lưu hành và vật không còn giá trị sử dụng; tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu trắng đã qua sử dụng, màn hình bị vỡ, số IMEI 351810081511583/08 bên trong lắp 01 (một) sim VINAPHONE là tài sản của bị cáo dùng vào việc phạm tội (liên lạc với V để mua ma túy); trả lại cho bị cáo Triệu Văn T 01 (một) chứng minh nhân dân số 082248xxx mang tên Triệu Văn T đây là tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo; trả lại cho chị Trịnh Thị N là chủ sở hữu 01 xe mô tô biển kiểm soát 89F1-36609; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 89F1-36609, do chị Trịnh Thị N không biết việc bị cáo mượn xe của chị để đi mua ma túy.

[10] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về tội danh và mức án, về hình phạt bổ sung và xử lý vật chứng; xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn về tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đối với người thanh niên tên V bán ma túy cho bị cáo, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được; do đó không có căn cứ xem xét trong vụ án này, khi nào làm rõ được sẽ tiến hành xử lý bằng một vụ án khác.

[12] Bị cáo là người bị kết án, theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ các điều 331, 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 136, các điều 331, 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Văn T phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 18 (mười tám) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 18/6/2018.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định (0,271 gam methamphetamine) được để trong 01 (một) phong bì thư niêm phong ký hiệu “QT Triệu Văn T” có chữ ký và dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ các vỏ bao gói.

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu trắng đã qua sử dụng, màn hình bị vỡ, số IMEI 351810081511583/08 bên trong lắp 01 (một) sim VINAPHONE.

Trả lại cho bị cáo Triệu Văn T 01 (một) chứng minh nhân dân số 082248911 mang tên Triệu Văn T.

Trả lại cho chị Trịnh Thị N 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 89F1-36609 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 89F1-36609.

(Các vật chứng đang được lưu giữ tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/8/2018).

4. Về án phí: Bị cáo Triệu Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- CQĐT CA H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn
- CQTHAHS CA H. Văn Lãng
- Nhà tạm giữ CA H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn
- Chi cục THADS H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

(đã ký)

Liễu Thị Hạnh